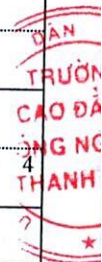


THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
Tuần 10: từ ngày 19/10/2026 đến ngày 25/10/2026

THỨ LỚP		Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6	
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY											
K11-DVTY P.E303	Sáng	GD thể chất (Hội)	4	Trồng trọt cơ bản (Thọ) B101	4	Dược lý (Duyên) B101	4	Pháp luật (Huyện) B101	2	Bảo vệ MT (Quyên)	4
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hưng) Giải phẫu SLVN (Hàng)	1 3	Tiếng Anh (Linh)	4	Tin học (Trường) TH 3	4	GD thể chất (Hội) GD Chính trị (Quốc)	2 4	P. TV Tiếng Anh (Linh)	4
K12-DVTY P.E303	Sáng	GD thể chất (Hội)	4					Pháp luật (Huyện) GD thể chất (Hội)	2 2		
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) Giải phẫu SLVN (Hàng)	1 3	Tiếng Anh (Linh)	4	Tin học (Trường) TH 3	4	GD Chính trị (Quốc)	4	Tiếng Anh (Linh)	4
K11-KTDN P.E305	Sáng	GD thể chất (Hội)	4			Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Pháp luật (Huyện) GD thể chất (Hội)	2 2	KT vi mô (Thuý) E305	4
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) Kế toán DN 2 (Dung) E203	1 3	Tiếng Anh (Linh)	4	Tin học (Trường) TH 3	4	GD Chính trị (Quốc)	4	Tiếng Anh (Linh)	4
K12-KTDN P.E305	Sáng	GD thể chất (Hội)	4			Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Pháp luật (Huyện) GD thể chất (Hội)	2 2	KT vi mô (Thuý)	4
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) Kỹ năng mềm (Sơn)	1 3	Tiếng Anh (Linh)	4	Tin học (Trường) TH 3	4	GD Chính trị (Quốc)	4	Tiếng Anh (Linh)	4
K12-ĐCN P.E203 Ghép với ĐCN66B2	Sáng	Sinh hoạt lớp (Giáp) Thiết bị điện GD (Giáp)	1 3	Pháp luật (Huyện)	4	An toàn điện (Hoà) Thiết bị điện GD (Giáp)	2 2	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD thể chất (Quang)	4
	Chiều										
K12-KTMTT P.E203 Ghép với KTMTT66	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) Vẽ kỹ thuật (Trung)	1 3	GD thể chất (Quang)	4	AT và TC lao động (Ánh)	4	Dung sai và KT đo (Đồng)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
	Chiều										
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY											
TT65A1 P.TH	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lịch) Khí tượng NN (Huyện)	1 3	Cây công nghiệp (Thọ)	4	Chế biến BQSTH (Bình)	2	Bệnh cây chuyên khoa (Hương)	4	Cây rau (Lịch)	4
TT66A1 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huệ) Tiếng anh (Linh)	1 3	Tiếng anh (Linh)	4	Giống cây trồng (Huyện)	4	Sinh lý thực vật (Huệ)	4	Tin học (Thoa) P.TH2	4
	Chiều										
CN65A1 P.B306	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lệ) KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà)	1 3	Trồng trọt cơ bản (Lịch) Luật thú y (Nga)	2 2	Nuôi và PTB cho trâu, bò (Phượng)	2	Nuôi và PTB cho lợn (Hưng)	4	KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà)	4

CN65A3 P.B206	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Vân) Trồng trọt cơ bản (Huệ)	1 3	Luật thú y (Nga) KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà)	2 2	KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà)	2 4
CN66A1 P.B306	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huyền) GD QP-AN (Mạnh)	1 3	Giải phẫu SLVN (Hằng)	4	DD và TẢ chăn nuôi (Phượng)	4
	Chiều						
CN66A3 P.B206	Sáng	Sinh hoạt lớp (Duyên) Dược lý thú y (Duyên)	1 3	Dược lý thú y (Duyên)	4	DD và TẢ chăn nuôi (Hoà)	4
	Chiều					GD thể chất (Thúy)	4
LN65A P.B102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lịch) Nông lâm kết hợp (Bình)	1 3	Trồng và chăm sóc rừng (Hùng)	4	Khai thác gỗ, tre, nứa (Hùng)	4
KTDN65A1 P.E203	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Dung) Kế toán DN 2 (Dung)	1 3	Thống kê DN (Thúy)	4	Thống kê DN (Thúy)	4
KTDN65A2 P.E304	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (C.Thảo) Thống kê DN (Thúy)	1 3	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo)	4	Kế toán DN 2 (Dung)	4
KTDN65B CSDT	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) KT NS xã, phường (T.Thảo)	1 3	Kế toán DN 2 (Mai) Thuế (Mai)	2 2	Thực hành KT trong DNSX (T.Thảo)	4
KTDN66A1 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Thúy) Kỹ năng mềm (Sơn)	1 3	KT vi mô (Thúy)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều					Lý thuyết TCTT (C.Thảo)	4
KTDN66B CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Mai) Lý thuyết TCTT (Mai)	1 3	Tin học (Quang)	4	Nguyên lý thống kê (Mai)	4
	Chiều					Lý thuyết KT (T.Thảo)	4
CNTT65A1 TH1	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) QT CSDL với Access (Phương)	1 3	XD phần mềm QL bán hàng (Hà)	4	Lập trình Window (Thảo)	4
CNTT65A2 TH2	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Phương) XD phần mềm QL bán hàng (Hà)	1 3	Lập trình Window (Thanh)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4
CNTT66A1 TH1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tâm) Kỹ năng mềm (Sơn) PTHT1	1 3	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tin học VP (Phương)	4
	Chiều					Tiếng anh (Linh) E303	4



CNTT66A2	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Sơn)</i>	1	GD thể chất (Hội)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tin học (Tâm)	4	Kỹ năng mềm (Sơn) E303	4
TH2	Chiều	Tin học VP (Phương)	3								
CNTT66A3 P.TH3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i>	1	Kỹ năng mềm (Hoa) E303	4	Tin học (Ngọc)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tiếng anh (Linh) PHTT1	4
	Chiều	Cấu trúc máy tính (Hà)	3								
CNTT66A5 P.TH Tầng 1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thanh)</i>	1	Tin học VP (Phương)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	4	Tin học VP (Phương)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4
	Chiều	GD thể chất (Thúy)	3								
CNTT66A4 CSDT	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i>	1	Tin học (Quang)	4	Tin học VP (Tâm)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	4	Tiếng Anh (T.Nhung)	4
	Chiều	Cấu trúc máy tính (Quang)	3								
DCN65A1 P.E104	Sáng										
	Chiều	KTML và ĐHKK (Giáp)	2	Cung cấp điện (H. Anh)	4	Thiết bị điện GD (Tuấn)	2	KTML và ĐHKK (Giáp)	4	Cung cấp điện (H. Anh)	4
		<i>Sinh hoạt lớp (Đ. Đức)</i>	1								
DCN65A2 P.E103	Sáng										
	Chiều	Cung cấp điện (P. Anh)	2	KTML và ĐHKK (Giáp)	4	Kỹ thuật điện tử (P. Anh)	2	Cung cấp điện (P.Anh)	4	KTML và ĐHKK (Giáp)	4
		<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i>	1								
DCN65B2 P.E102	Sáng										
	Chiều	Trang bị điện (Dương)	2	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	2	Trang bị điện (Dương)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4
		<i>Sinh hoạt lớp (H.Anh)</i>	1								
DCN65B3 P.E101	Sáng										
	Chiều	Trang bị điện (Nga)	2	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	2	Thiết bị điện GD (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4
		<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i>	1								
DCN 65B1 CSDT	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Ng. Đức)</i>	1	Trang bị điện (Đ. Đức)	4	Trang bị điện (Đ. Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (Nga)	4
		Thiết bị điện GD (Huân)	3								
DCN66A1 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i>	1	GD thể chất (Thúy)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Đ.Đức)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền)	4
	Chiều	An toàn điện (Huyền)	3								
DCN66A2 P.E204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i>	1	GD QP-AN (Mạnh)	4	Chính trị (Quốc)	4	Vật liệu điện (Huyền)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà)	4
	Chiều	Thiết bị điện GD (Tuấn)	3								
DCN66A3 P.E201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>	1	GD thể chất (Hà)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Dương)	4
	Chiều	An toàn điện (Hoà)	3								

DCN66A4 P.E202	Sáng	Sinh hoạt lớp (P. Anh) An toàn điện (P. Anh)	1 3	Chính trị (Quế)	4	Về kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	Vật liệu điện (Hoà)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4	
	Chiều											
DCN66B2 P.E203	Sáng	Sinh hoạt lớp (Giáp) Thiết bị điện GD (Giáp)	1 3	Pháp luật (Huyền)	4	An toàn điện (Hoà) Thiết bị điện GD (Giáp)	2 2	Về kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD thể chất (Quang)	4	
	Chiều											
DCN 66B1 CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương) An toàn điện (Ng. Đức)	1 3	GD thể chất (Quang)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4	Về kỹ thuật điện (Hoà)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	
	Chiều											
CBBQ65	Sáng											
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Chế biến nước mắm (Liên)	1 3	Chế biến lạnh đông TS (Năm)	4	Kỹ thuật điện (Năm)	4	Phụ gia thực phẩm (Liên)	4	Sản xuất sạch hơn (Năm) Chế biến lạnh đông TS (Năm)	2 2	
NTTS 66	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ánh) Thủy sinh vật (Ánh)	1 3	GD thể chất (Quang)	4	ATLĐ trong nuôi thủy sản (Liên)	4	CB công trình nuôi TS (Ánh)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	
	Chiều											
KTM TT65	Sáng											
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) Tự động MTT (Đồng)	1 3	Động cơ đốt trong (Đồng)	4	Khai thác máy phụ tàu thủy (Đồng)	4	BD, SC thiết bị trên boong (Trung)	4	Vận hành CBHDL chính DTT (Đồng)	4	
KTM TT 66	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) Vẽ kỹ thuật (Trung)	1 3	GD thể chất (Quang)	4	AT và TC lao động (Ánh)	4	Dung sai và KT đo (Đồng)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	
	Chiều											
DKTB65	Sáng											
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Ánh) Tiếng anh CN (T.Nhung)	1 3	Tiếng anh CN (T.Nhung)	4	Điều động tàu (Trung)	4	Bảo quản vỏ tàu (Tiến)	4	Tin học hàng hải (Quang)	4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN												
THỨ LỚP		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật		
TT65A2 P.B102	Sáng	Phòng trừ dịch hại (Triệu)			4	Sinh hoạt lớp (Bình) Chế biến bảo quản STH (Bình)			1 3	Cây rau (Huyền)		4
	Chiều	Cây dược liệu (Thọ)			4	Côn trùng đại cương (Huệ)			4	Bệnh cây chuyên khoa (Huyền)		4
CN65A2 CN66A2 P.B101	Sáng	Trồng trọt cơ bản (Bình)			4	Sinh hoạt lớp (Phượng) Ký sinh trùng TY (Phượng)			1 3	DD và TA chăn nuôi (Quyên)		4
	Chiều	CĐ và ĐTH thú y (Vân)			4	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)			4	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)		4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu